

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 01 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhạn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phùng Thị Loan - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 624/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hữu Thị L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Sơn Chính T, sinh năm 1986. ĐKKHKT: Ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hữu Thị L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Sơn Chính T tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu vào năm 2015. Trong cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T không có công việc, thường xuyên nhậu nhẹt về kiêu chuyện, bà đã cho cơ hội sửa chữa nhưng ông T không thay đổi, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng. Nay bà

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Bà và ông T có 02 con chung tên Sơn Hữu Loan A sinh ngày 06 tháng 10 năm 2013 và Sơn Hữu Anh T sinh ngày 27 tháng 10 năm 2015 hiện các con chung đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung. Hiện tại bà đang làm công nhân xí nghiệp tằm ở thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu mỗi tháng thu nhập khoảng 8.500.000 đồng nên bà có đủ điều kiện nuôi con.

- *Về cấp dưỡng*: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Sơn Chính T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Ông và bà Hữu Thị L tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu vào năm 2015. Sau khi cưới thì ông về bên nhà cha mẹ ruột bà L tại Khóm 4, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu sống cho đến nay. Trong cuộc sống chung, vợ chồng cũng có cự cãi nhưng không đến mức trầm trọng. Hiện bà L không còn quan tâm chăm sóc ông. Nay ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ nhưng ông không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- *Về con chung*: Ông và bà L có 02 con chung tên Sơn Hữu Loan A sinh ngày 06 tháng 10 năm 2013 và Sơn Hữu Anh T sinh ngày 27 tháng 10 năm 2015. Trường hợp nếu phải ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung. Hiện tại ông không có nghề nghiệp, thu nhập.

- *Về cấp dưỡng*: Ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông và bà L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L. Tiếp tục giao con chung là cháu A và cháu T cho bà L nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Hữu Thị L khởi kiện bị đơn ông Sơn Chính T có địa chỉ cư trú tại Khóm 4, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Do bị đơn ông Sơn Chính T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Bà Hữu Thị L và ông Sơn Chính T tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và được Ủy ban nhân dân phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà L xác định trong cuộc sống chung vợ chồng thường bất đồng quan điểm, xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Phía ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Xét thấy: Mỗi quan hệ hôn nhân của bà L và ông T không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, không có điều kiện để bà L và ông T hàn gắn tình cảm, khả năng đoàn tụ là không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hữu Thị L đối với ông Sơn Chính T.

[6] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống bà L và ông T có 02 con chung tên Sơn Hữu Loan A sinh ngày 06 tháng 10 năm 2013 và Sơn Hữu Anh T sinh ngày 27 tháng 10 năm 2015 hiện con chung đang sống cùng bà L. Khi ly hôn bà L và ông T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của ngày 27 tháng 11 năm 2024 cháu Loan Anh và Anh Thư đề có nguyện vọng được sống cùng bà L. Tại Giấy xác nhận lương ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Đơn xin xác nhận ngày 10 tháng 12 năm 2024 xác định bà L có đủ điều kiện tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Mặt khác, tại phiên hòa giải ngày 10 tháng 12 năm 2024 ông T xác định ông không có nghề nghiệp, thu nhập. Do đó, việc giao cháu A và T cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của các con chung và đúng quy định pháp luật.

[7] *Về cấp dưỡng*: Bà L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[8] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L và ông T thống nhất xác định ông bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hữu Thị L. Cho bà Hữu Thị L ly hôn với ông Sơn Chính T.

***2. Về con chung*:**

Tiếp tục giao con chung là cháu Sơn Hữu Loan A sinh ngày 06 tháng 10 năm 2013 và cháu Sơn Hữu Anh T sinh ngày 27 tháng 10 năm 2015 cho bà Hữu Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Sơn Chính T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng*: Bà Hữu Thị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Hữu Thị L và ông Sơn Chính T thống nhất xác định ông bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

***5. Về án phí*:**

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Hữu Thị L phải chịu. Bà Hữu Thị L đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009369 ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ.

Ông Sơn Chính T không phải chịu án phí.

6. Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Nhi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhận Cao Thị Mỹ Phượng

Nguyễn Kim Nhi

